TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **74**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hiến**

Ông **Nguyễn Lơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn L** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn T** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày:* Bà và ông Nguyễn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B vào năm 200 . Quá trình chung sống không hạnh phúc có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Hơn nữa từ giữa năm 2021 đến nay, bà và ông T không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn.

Về con chung: Bà L, ông T có tất cả ba người con chung là Nguyễn P, sinh ngày 27/12/200 , Nguyễn H – 24/02/200 và Nguyễn D – 08/11/201 , khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí trong vụ án này.

** Bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L được ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Giao ba con chung là cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/12/200 , Nguyễn H – 24/02/200 và Nguyễn D – 08/11/201 cho bà Nguyễn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn L và ông Nguyễn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/200 ngày 13/7/200 .

Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn L và ông Nguyễn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hơn nữa, bà L và ông T không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp. Đồng thời, ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L. Do vậy, xem như ông T tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn L và ông Nguyễn T có ba người con chung là Nguyễn P, sinh ngày 27/12/200 , Nguyễn P – 24/02/200 và Nguyễn D – 08/11/201 ; bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi ba con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy: Trong vụ án này, từ khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung và các con chung đang đi học ổn định; hơn nữa cháu P, cháu H, cháu D đều có nguyện vọng ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông đều không tham gia, xem như ông T tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao ba con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi ba con chung; ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn L được ly hôn ông T.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn P, sinh ngày 27/12/200 , Nguyễn H – 24/02/200 và Nguyễn D – 08/11/201 cho bà Nguyễn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi ba con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn L không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0004548 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã B theo Giấy CNKH số 38, quyển 01 năm 200 ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thùy My